

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 434, Điều 436 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: vợ chồng ông Nguyễn Phú K, sinh năm 1961. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Lê Thị T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2024.

Bị đơn: ông Phạm Văn N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phạm Văn N nhận trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Phú K, bà Đoàn Thị H 3.875 kg (ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm ki lô gam) cà phê nhân khô loại Rôbusta (giá cà phê nhân tại thời điểm hòa giải là 120.000đ/kg).

- Về án phí: ông **Phạm Văn N** tự nguyện nhận chịu 11.300.000đ (*mười một triệu ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông **Phạm Văn K1**, bà **Đoàn Thị H** là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông **Nguyễn Phú K**, bà **Đoàn Thị H** theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh